

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10 – NGHỆ AN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 26 /2026/HNGĐ-ST

Ngày 29 - 01 - 2026

*“V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi
ly hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lô Xuân Diệu

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Vi Anh Tú.

2/ Ông Moong Thái Dương.

- Thư ký phiên toà: Bà Vi Hải Yến - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 - Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Nghệ An tham gia phiên toà: Bà Trần Hoàng Vân – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 - Nghệ An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 146/2025/TLST-HN&GD ngày 03 tháng 11 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Lữ Thị L**, sinh năm: 1994.

Địa chỉ: Bản H, xã Q, tỉnh Nghệ An.

Địa chỉ tạm trú: Bản H, xã T, tỉnh Nghệ An.

Vắng mặt do có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh **Ngân Văn L1**, sinh năm: 1994.

Địa chỉ: Bản H, xã Q, tỉnh Nghệ An.

Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/8/2025 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Lữ Thị L trình bày:

Chị Lữ Thị L và anh Ngân Văn L1 chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2011, đến ngày 25/02/2014 mới đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Q, tỉnh Nghệ An (Nay là UBND xã Q, tỉnh Nghệ An). Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian, sau đó bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do tính tình không phù hợp nhau, có nhiều bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh L1 thường xuyên đi uống rượu về nhà có hành vi đánh đập chị L. Do mâu thuẫn của vợ chồng không giải quyết được nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 6/2025 cho đến nay, chị L nhận thấy cuộc

sống hôn nhân không còn hạnh phúc, vợ chồng không thể tiếp tục cùng nhau xây dựng hạnh phúc lâu dài nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Ngân Văn L1.

Về con chung: Trong thời gian chung sống chị Lữ Thị L và anh Ngân Văn L1 có hai người con chung là Ngân Minh T, sinh ngày 08/3/2012 và Ngân Thu T1, sinh ngày 01/10/2015. Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/8/2025 và bản tự khai ngày 11/11/2025, chị L đề nghị được giao nuôi con chung là cháu Ngân Thu T1, còn anh L1 sẽ trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ngân Minh T, không ai phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Tuy nhiên, sau khi hỏi ý kiến các con chung đều có mong muốn được ở với bố nếu bố mẹ ly hôn nên chị thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, đề nghị giao cả hai con chung cho anh Ngân Văn L1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và chị sẽ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh L1 mỗi tháng 1.500.000^d (Một triệu năm trăm nghìn đồng) đối với mỗi con chung cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lữ Thị Lư K yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Ngân Văn L1 trình bày: Anh và chị Lữ Thị L chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2011, đến ngày 25/02/2014 mới đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Q, tỉnh Nghệ An (Nay là UBND xã Q, tỉnh Nghệ An). Quá trình chung sống vợ chồng thỉnh thoảng có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do tính tình không phù hợp, có nhiều bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên dẫn đến cãi vã nhau. Thấy rằng tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn theo như yêu cầu của chị L.

Về con chung: Anh L1 và chị L có hai người con chung đúng như chị L đã trình bày. Ly hôn, anh L1 đề nghị được giao nuôi cả hai người con chung và yêu cầu chị Lữ Thị L phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.500.000^d đối với mỗi con chung cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành. Tại buổi làm việc ngày 25/11/2025, anh L1 đồng ý với mức cấp dưỡng mà chị L đưa ra là 1.500.000^d/tháng/ mỗi con chung, nhưng lại không ký vào “Biên bản lấy lời khai của đương sự” với lý do hai bên gia đình chưa thống nhất thỏa thuận được việc trả lại của hồi môn.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh Ngân Văn L1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ghi nhận ý kiến của các cháu Ngân Minh T và Ngân Thu T1 là các con chung chưa thành niên của chị Lữ Thị L và anh Ngân Văn L1, các cháu đều có ý kiến sau khi bố mẹ ly hôn thì có nguyện vọng được ở với bố.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Nghệ An tại phiên tòa: Qua kiểm sát giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa thấy rằng, trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn tuy đã được tổng đạt văn bản tố tụng theo quy định nhưng

tiếp tục vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Do đó, cần xem xét áp dụng quy định bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối với các đương sự theo quy định.

Đề nghị áp dụng các Điều 51; 56; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 điều 227, khoản 1, khoản 3 điều 228, điều 238, điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, để xét xử:

Về quan hệ hôn nhân, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Lữ Thị L được ly hôn với anh Ngân Văn L1.

Về con chung: Giao cho anh Ngân Văn L1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các con chung là Ngân Minh T, sinh ngày 08/3/2012 và Ngân Thu T1, sinh ngày 01/10/2015. Chị Lữ Thị L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh L1 mỗi tháng 1.500.000^d (Một triệu năm trăm nghìn đồng) đối với mỗi con chung cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành, bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với phần tài sản chung và nợ chung của vợ chồng nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Hộ gia đình chị Lữ Thị L thuộc diện hộ cận nghèo và chị L có đơn xin miễn tạm ứng án phí, án phí nên chị Lữ Thị L được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Xác định mối quan hệ tranh chấp: Chị Lữ Thị L đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn đối với anh Ngân Văn L1, đề nghị việc giao nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chưa thành niên, về phần tài sản chung và nợ chung của vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 51 luật Hôn nhân và gia đình và khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn”.

[1.2] Bị đơn anh Ngân Văn L1 có địa chỉ đăng ký thường trú tại bản H, xã Q, tỉnh Nghệ An, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Nghệ An theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, luật tố tụng hành chính, luật tư pháp người chưa thành niên, luật phá sản và luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải. Do đó, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trước khi vụ án được đưa ra xét xử, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa, bị đơn đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định nhưng tiếp tục vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự tại phiên tòa.

[1.4] Quá trình giải quyết vụ án, chị Lữ Thị L thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về việc giao nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Căn cứ khoản 2 Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận yêu cầu của chị L.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lữ Thị L và anh Ngân Văn L1 xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, bình đẳng, đảm bảo về điều kiện kết hôn, thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nên quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh L1 là hợp pháp.

Theo nguyên đơn thì sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian, sau đó bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, đã ly thân từ tháng 6/2025 cho đến nay. Chị L xác định tình cảm giữa vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống xây dựng hạnh phúc lâu dài. Quá trình giải quyết vụ án anh L1 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L, chứng tỏ mâu thuẫn giữa chị L và anh L1 thực sự trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, chấp nhận yêu cầu của chị L, cho chị Lữ Thị L được ly hôn với anh Ngân Văn L1.

[3] Về con chung: Qua xác minh về hoàn cảnh, môi trường sống và khả năng chăm sóc, nuôi dưỡng con, cũng như nguyện vọng của các con chung và ý kiến của đương sự. Thấy rằng, việc giao nuôi con chung cần xuất phát từ quyền lợi về mọi mặt của con, đảm bảo sự ổn định lâu dài về điều kiện kinh tế, thời gian chăm sóc, giáo dục, nơi ở và học tập về sau này. Xét thấy, các đương sự đều trong độ tuổi lao động, có sức khỏe và có thu nhập để nuôi con, tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án chị L và anh L1 đều thống nhất giao cả hai người con chung cho anh L1 trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, còn chị L sẽ thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của các con nên cần được ghi nhận.

Đối với mức cấp dưỡng nuôi con, anh L1 đồng ý với mức cấp dưỡng mà chị L đưa ra, mặc dù anh Ngân Văn L1 không ký vào “Biên bản lấy lời khai của đương sự” được lập vào ngày 25/11/2025 nhưng nguyên nhân anh L1 không ký vào biên bản là do hai bên gia đình chưa thống nhất thỏa thuận được việc trả lại của hồi môn chứ không liên quan đến việc cấp dưỡng nuôi con. Vì vậy, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000^d (Một triệu năm trăm nghìn đồng) đối với mỗi con chung cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành của chị L cần được chấp nhận.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lữ Thị L và anh Ngân Văn L1 đều không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Xét thấy ý kiến của các đương sự không nhằm mục đích trốn tránh thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước hoặc với bên thứ ba nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết đối với phần tài sản chung, nợ chung của các

đương sự. Phần tài sản chung, nợ chung của vợ chồng chưa giải quyết (nếu có), sau này xảy ra tranh chấp, hai bên tự thỏa thuận giải quyết hoặc có quyền khởi kiện yêu cầu giải quyết bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[6] Về án phí:

Hộ gia đình chị Lữ Thị L thuộc diện hộ cận nghèo và chị L có đơn xin miễn tạm ứng án phí, án phí nên chị Lữ Thị L được miễn án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51; 56; 81; 82; 83; 84; 107, 110, 116, 117 và 118 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147 BLTTDS; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Lữ Thị Lưu. Chị Lữ Thị L được ly hôn anh Ngân Văn L1.

2. Về con chung:

- Giao hai người con chung là Ngân Minh T, sinh ngày 08/3/2012 và Ngân Thu T1, sinh ngày 01/10/2015 cho anh Ngân Văn L1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

- Chị Lữ Thị L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Ngân Văn L1 mỗi tháng 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng) đối với mỗi con chung. Tổng cộng cho cả hai con chung mỗi tháng là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

- Việc giao nuôi con và cấp dưỡng nuôi con được thực hiện kể từ tháng 01/2026 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành.

Chị Lưu K trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích mọi mặt của con, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức có thẩm quyền thì Tòa án có thể quyết định về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc buộc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật và bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chưa thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo quy định tại các Điều 357 và 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, điều 7 và điều 9 Luật thi hành án

dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con cho chị Lữ Thị Lưu .

4. Quyền kháng cáo: Chị Lữ Thị L và anh Ngân Văn L1 có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 10;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Cơ quan THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND xã Quế Phong, tỉnh Nghệ An;
- các đương sự;
- Lưu HSVA;

(Đã ký)

Lô Xuân Diệu

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- VKSND khu vực 10 – Nghệ An;
- Cơ quan Thi hành án Dân sự tỉnh Nghệ An;
- UBND xã Quế Phong – Nghệ An;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lô Xuân Diệu